TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 424/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 1187/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Phạm Hoàng Ngọc A, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 123 đường Đ, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh Trần Thiên B, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn ngày 05/9/2022, người yêu cầu là bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B trình bày yêu cầu về việc công nhận thuận tình ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 21/02/2019 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng từng có thời gian chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hơn 02 năm nay vợ chồng đã sống ly thân, ông Huỳnh Trần Thiên B sống ở Hoa Kỳ còn bà Phạm Hoàng Ngọc A sống ở Việt Nam, nên từ lâu không còn cuộc sống vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận cho bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B được thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B xác nhận không có.

Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B có văn bản đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị:

Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B về việc thuận tình ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; ông Huỳnh Trần Thiên B đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 2 Điều 38, Điểm h Khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B:

Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B đã cung cấp đầy đủ lời khai, các yêu cầu Tòa án giải quyết và đã có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B.

[3] Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 21/02/2019 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B xác định trong quá trình chung sống, bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau như vợ chồng. Xét thấy, hiện nay ông Huỳnh Trần Thiên B đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, không có sự chia sẻ, thực hiện

các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B theo quy định tại Điều 19, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B về việc công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

- Về lệ phí: Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 2 Điều 38, Điểm h Khoản 2 Điều 39, Khoản 1 Điều 372, Điều 396, Điểm a Khoản 5 Điều 477 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B về việc công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 21/02/2019 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Hoàng Ngọc A và ông Huỳnh Trần Thiên B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003178 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị quyết định:

Bà Phạm Hoàng Ngọc A vắng mặt tại phiên họp, được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Trần Thiên B vắng mặt tại phiên họp, được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Mỹ Hạnh